TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Hương Bát nhã và vệt nắng băng qua thảo nguyên Mông Cổ

ISSN: 2734-9195 10:46 05/06/2026

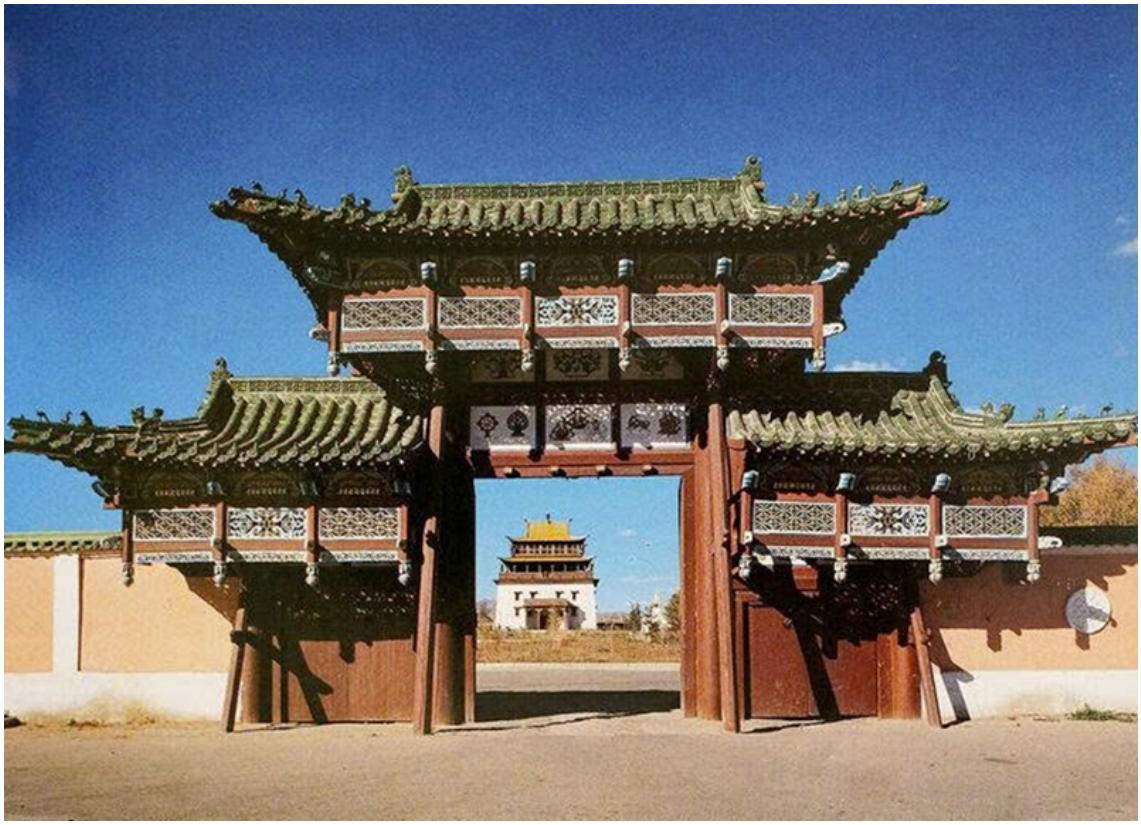
Cục diện văn hóa Mông Cổ thế kỷ XIII có bước chuyển mình lớn dưới thời kỳ cai trị của các Đại Hãn, gắn liền với sự truyền bá của Phật giáo Tây Tạng.

Tác giả: **Thích Vân Phong**

Mông Cổ từ lâu đã nổi tiếng với khí hậu lục địa khắc nghiệt bậc nhất thế giới, nơi lằn ranh giữa thiên nhiên kỳ vĩ và cuộc chiến sinh tồn trở nên vô cùng mong manh.

Giữa cái nắng gắt cháy da và những cơn gió buốt giá của vùng thảo nguyên bao la, con người nơi đây luôn tha thiết khao khát một suối nguồn từ bi để tưới tẩm tâm hồn, một làn gió thanh lương để xua tan những khắc nghiệt của số phận.

Chính sự khắc nghiệt ấy đã nhào nặn nên một trong những nền văn hóa du mục độc đáo nhất thế giới, gắn liền với lịch sử chinh phạt lừng lẫy và lối sống hòa hợp tuyệt đối với hệ sinh thái. Đời sống tâm linh của người Mông Cổ không đơn điệu, mà là một bản giao hưởng hài hòa giữa các tín ngưỡng cổ đại và tôn giáo du nhập. Nơi đây, Thuyết vật linh và Shaman giáo bản địa lâu đời đã dung hòa một cách kỳ diệu vào lòng Phật giáo, cùng nhau che chở cho tâm hồn của những người con thảo nguyên.



Tu viện Gandan trước năm 1990. Ảnh tác giả cung cấp.

Để đáp lại tiếng vọng tâm linh ấy, **Hoàng đế Ashoka** đã ban sắc lệnh, cử những phái đoàn Sứ giả Như Lai mang ngọn đuốc chính pháp soi đường vào cõi hoang vu. Từ thế kỷ thứ III trước Tây lịch, ánh sáng từ bi bắt đầu len lỏi qua các triền núi, sưởi ấm thảo nguyên lạnh giá. Hành trình dấn thân đầy gian khổ ấy đã gieo những hạt giống đức tin đầu tiên lên nền đất cằn cỗi. Đó rất có thể là buổi bình minh của Phật giáo Nam truyền (Theravada Buddhism), một dòng chảy thanh tịnh đã chọn bám rễ vào tâm thức kiên cường của người dân du mục.

Cục diện văn hóa Mông Cổ thế kỷ XIII có bước chuyển mình lớn dưới thời kỳ cai trị của các Đại Hãn, gắn liền với sự truyền bá của Phật giáo Tây Tạng. Điểm nhấn của giai đoạn này là sự xuất hiện của chữ Phags-pa, hệ thống văn tự được Quốc sư Tây Tạng Drogön Chögyal Phagpa 1235-1280) sáng tạo theo sắc lệnh của Hốt Tất Liệt. Với mục tiêu nhất thống văn tự cho toàn bộ Đế quốc Mông Cổ rộng lớn, loại chữ này đã nhanh chóng được người dân thảo nguyên tiếp nhận, cải biên và đưa vào đời sống từ thế kỷ XIII.

Tiến trình khẳng định vị thế quốc giáo của đạo Phật Mông Cổ từ thế kỷ XIII là một thiên sử thi văn hóa đặc sắc, chịu sự chi phối mạnh mẽ từ ba làn sóng địa chính trị lớn. Khởi đầu từ lòng Đế quốc Mông Cổ sơ khai (Thế kỷ XIII - XIV), giới quý tộc nhà Nguyên sau các cuộc viễn chinh đã hướng tâm sùng bái phái Sakya của Phật giáo Tây Tạng. Mối giao hảo "*Cho-yon*" giữa Hoàng đế Hốt Tất Liệt và Quốc sư Phags-pa ra đời, định hình nền móng cho thể chế chính - giáo song

hành. Dẫu vậy, tầm ảnh hưởng sâu rộng của Shaman giáo bản địa tại tầng lớp bình dân thời bấy giờ vẫn là một thách thức lớn đối với vương triều.



Tu viện Amarbaysgalant. Ảnh tác giả cung cấp.

Khúc quanh nghiệt ngã xuất hiện vào năm 1368, khi nhà Nguyên sụp đổ tại Trung Hoa, đẩy **Phật giáo** thảo nguyên vào giai đoạn thoái trào kéo dài hai thế kỷ. Mạch ngầm tâm linh này chỉ thực sự trỗi dậy đầy ngoạn mục vào năm 1578. Sự kiện Altan Khan hội kiến giáo chủ Sonam Gyatso và dâng tôn hiệu Đạt-lai Lạt-ma đã xác lập quyền lực tuyệt đối cho dòng Cách-lỗ (Gelug). Cuộc phục hưng vĩ đại này đã làm thay đổi hoàn toàn cục diện, bứt phá để "*toàn dân hóa*" đạo Phật và thấm đẫm tư tưởng Phật giáo Tây Tạng vào văn hóa du mục.

Về sau, khi thiết lập ách đô hộ, triều đình nhà Thanh đã tiếp tục duy trì bệ đỡ này bằng việc dồn tài lực xây dựng các siêu tu viện như Erdene Zuu hay Gandan. Việc khuyến khích nam giới xuất gia đã trở thành một chiến lược tinh vi nhằm chuyển hóa tinh thần chiến binh hung hãn của người du mục thành lòng hiền hòa, dễ bề cai trị.

Số liệu thống kê vào thập niên 1920 cho thấy tầm ảnh hưởng tuyệt đối của Phật giáo đối với cấu trúc xã hội Mông Cổ. Với khoảng 110.000 tăng sĩ, lực lượng tu sĩ đã chiếm tới gần một phần ba dân số nam giới thời bấy giờ. Mạng lưới tâm linh này được củng cố vững chắc bởi hàng trăm ngôi tu viện Phật giáo lớn nhỏ rải rác khắp đất nước, minh chứng cho một giai đoạn Phật giáo thủ vai trò chủ đạo trong cả đời sống văn hóa lẫn nhân khẩu học đương thời.

Bước sang giai đoạn hậu Cách mạng năm 1921, lịch sử Mông Cổ lật sang một chương đầy giông bão khi cuộc đấu tranh quyền lực nội bộ của Đảng Nhân dân Cách mạng (MPRP) leo thang thành bạo lực khốc liệt. Khúc quanh đen tối ấy mở

đầu vào tháng 8 năm 1922 với vụ xử tử không qua xét xử đối với Dogsomyn Bodoo - vị Thủ tướng đầu tiên của nền độc lập sơ khai, cùng 14 nhân vật tầm cỡ khác dưới bàn tay của mật vụ Liên Xô. Làn sóng thanh trừng không dừng lại mà tiếp tục dâng cao hai năm sau đó, tước đi sinh mạng của Soliin Danzan - kiến trúc sư trưởng của phong trào cách mạng, người bị hành quyết ngay tại nghị trường Đại hội lần thứ ba.



Tu viện Amarbayasgalant vẫn trong tình trạng bị bỏ hoang (trước năm 1990). Ảnh tác giả cung cấp.

Đến năm 1928, guồng quay chính trị này chính thức hòa quyện với chiến dịch đàn áp Phật giáo Mông Cổ trên diện rộng. Cơn bão ấy đã quét sạch thế hệ trí thức tinh hoa của đất nước, khiến các nhà chính trị xuất chúng và học giả lỗi lạc như Ajvaagiin Danzan, Jamsrangiin Tseveen, Tseren-Ochiryn Dambadorj và Navaandorjiin Jadambaa - nguyên thủ quốc gia đầu tiên sau khi chế độ thần quyền Bogd Khan sụp đổ - đều phải gánh chịu số phận nghiệt ngã nơi chốn ngục tù hoặc lưu đày viễn xứ.

Tuy nhiên, bạo lực tàn khốc đã vấp phải làn sóng nổi dậy kiên cường của người dân thảo nguyên trên toàn quốc. Đứng trước sức ép nghẹt thở đó, MPRP buộc phải lùi bước và điều chỉnh đường lối. Họ thực hiện cuộc thanh lọc nội bộ, quy trách nhiệm và trục xuất những nhân vật mang tư tưởng cứng rắn nhất lúc bấy giờ, bao gồm cựu Bí thư thứ nhất Zolbingiin Shijee, cựu Bí thư Trung ương Ölziin Badrakh và Thủ tướng Chính phủ Tsengeltiin Jigjidjav, khép lại một chương sử nhuốm màu biến động của quốc gia Bắc Á.



Các vật phẩm linh thiêng bị bỏ lại tại một khu di tích tu viện đổ nát.
Tài liệu thuộc dự án "Tài liệu về các tu viện Mông Cổ".
https://www.mongoliantemples.org/en/

Bước sang năm 1934, Điện Kremlin can thiệp sâu nhưng đã vấp phải bức tường sừng sững mang tên Peljidiin Genden. Trên cương vị Thủ tướng, ông kiên quyết trì hoãn hiệp ước song phương - thứ tối hậu thư cho phép quân đội Liên Xô đồn trú. Bản lĩnh của Genden đỉnh điểm là khi ông công khai khước từ áp lực từ Moscow, chống lại lệnh hành quyết hơn 100.000 Lạt Ma Phật giáo mà Stalin gọi là "*kẻ thù nhân dân*".

Thất vọng trước sự bướng bỉnh này, Stalin đã chọn tướng Khorloogiin Choibalsan làm "*quân bài chiến lược*", phong hàm Nguyên soái và giao quyền thao túng Bộ Nội vụ. Tháng 3 năm 1936, Choibalsan dàn xếp hạ bệ Genden với cáo buộc phá hoại liên minh Mông - Xô. Vị Thủ tướng bất khuất bị giải thẳng đến Moscow và chịu án tử hình một năm sau đó. Dù Anandyn Amar được đưa lên kế nhiệm, nhưng kể từ đây, Choibalsan mới là kẻ nắm giữ quyền lực tối thượng của đất nước.



Các vật phẩm linh thiêng bị bỏ lại tại một khu di tích tu viện đổ nát.
Tài liệu thuộc dự án "Tài liệu về các tu viện Mông Cổ".
https://www.mongoliantemples.org/en/

Trước khi khép lại vào đầu năm 1939, cuộc đại thanh trừng đã băm vằn đời sống Mông Cổ, chôn vùi hàng thế kỷ di sản văn hóa dưới lớp tro tàn bụi bặm. Nỗi đau thương bao trùm lên đức tin của người dân du mục khi 18.000 vị Lạt Ma bị kết án tử hình, hàng ngàn người khác bị ép buộc phải cầm súng ra chiến trường. Lần lượt hơn 700 ngôi chùa lớn nhỏ bị đập phá, đặt dấu chấm hết cho thời kỳ hưng thịnh của Phật giáo thảo nguyên.

Trên vũ đài chính trị, tầng lớp trí thức cách mạng yêu nước bị thanh lọc không nương tay, thay thế bằng những kẻ trung thành với Moscow. Cái giá phải trả bằng máu là quá đắt: 25 vị lãnh đạo tối cao - bao gồm cả hai cựu Thủ tướng Peljidiin Genden và Anandyn Amar - cùng 187 sĩ quan quân đội và phần lớn Ủy ban Trung ương (36/51 thành viên) đã bị bức hại, để lại một khoảng trống quyền lực và nỗi tang tóc khôn nguôi.

Lịch sử ABCP tại Nga

Hội Phật giáo châu Á vì Hòa bình (tên viết tắt tiếng Anh là ABCP - Asian Buddhist Conference for Peace), chính thức được quyết định thành lập vào tháng 7 năm 1969 và tổ chức Hội nghị Đại hội đồng lần thứ nhất tại Ulan-Bator, Mông Cổ vào ngày 13 tháng 6 năm 1970. Hiện đặt trụ sở chính tại Ulaanbaatar

(Mông Cổ), ABCP vận hành với mục tiêu đoàn kết các truyền thống Phật giáo nhằm lan tỏa giáo lý bất bạo động, đồng thời thúc đẩy công lý và bảo vệ môi trường toàn cầu (Central Buddhist). Sáng kiến mang tính bước ngoặt này được khởi xướng bởi các nhà lãnh đạo Phật giáo hàng đầu của Mông Cổ, Ấn Độ, Sri Lanka và Nepal. Trong đó, Hòa thượng Bandido Khambo Lama Gomboev (vùng Buryatia, Liên Xô) chính là kiến trúc sư trưởng, người đặt viên gạch đầu tiên cho mạch ngầm kết nối tâm linh xuyên quốc gia này.

Để tạo bệ đỡ vững chắc cho mọi hoạt động xuyên quốc gia, một quyết định lịch sử đã được thông qua tại Đại hội đồng ABCP lần thứ ba, diễn ra từ ngày 1 đến ngày 3 tháng 11 năm 1974 tại New Delhi, Ấn Độ. Theo đó, thủ đô Ulaanbaatar của Mông Cổ được chọn làm nơi đặt văn phòng hội đồng điều hành và trụ sở chính của tổ chức (Central Buddhist, Wikipedia). Kể từ cột mốc ấy cho đến tận ngày nay, "*trái tim*" của ABCP vẫn luôn được duy trì thường trực tại Tu viện Gandantegchinlen (Tu viện Gandan) cổ kính - biểu tượng tâm linh bất biến của thảo nguyên Mông Cổ (Central Buddhist, Wikipedia).



Ảnh tác giả cung cấp.

Trong canh bạc địa chính trị thời Chiến tranh lạnh, sự trỗi dậy của ABCP được ban lãnh đạo Xô Viết ủng hộ mạnh mẽ để tạo thế đối trọng với Hội Liên hữu Phật giáo Thế giới (WFB). Được thành lập từ năm 1950 tại Sri Lanka, WFB giữ vị thế là tổ chức Phật giáo quốc tế lâu đời nhất thế giới, ghi dấu ấn lịch sử với cuộc hội tụ của 129 đại biểu đến từ 27 quốc gia [WFB].

Đó là chương đầu tiên chứng kiến sự hòa hợp vĩ đại giữa ba truyền thống lớn: Nam tông, Bắc tông và Kim Cương thừa, với sự tham gia đồng ký kết đầy ý nghĩa của đại diện Việt Nam. Hòa thượng Thích Tố Liên (1903-1977) là bậc danh tăng lỗi lạc, người thắp lửa cho phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam thế kỷ XX. Ngài là thành viên sáng lập Hội Liên hữu Phật giáo Thế giới (WFB) vào năm 1950, đồng thời là vị sứ giả lịch sử đầu tiên cung thỉnh, mang lá cờ và hiến chương Phật giáo quốc tế về với nước nhà.

Đối diện với một tượng đài bề thế như WFB, ABCP đã chọn con đường riêng. Bằng uy tín kiệt xuất và mạng lưới ngoại giao rộng khắp của Gomboev, tổ chức đã nhanh chóng kết nối các quốc gia chiến lược tại châu Á [Wikipedia]. Từ Mông Cổ, Ấn Độ, Sri Lanka đến Việt Nam, Lào, Campuchia, Triều Tiên, Bangladesh và Nepal, tất cả đã cùng tạo nên một liên minh tâm linh vững chắc, làm thay đổi cục diện ngoại giao tôn giáo đương thời.

Trải qua hơn một thập kỷ phát triển, tổ chức không chỉ khẳng định vị thế trong lòng các tín đồ mà còn giành được sự công nhận từ cộng đồng quốc tế. Thành tựu này minh chứng qua việc ABCP đạt tư cách tư vấn tại UNESCO và ECOSOC. Vào năm 1980, ban chấp hành đã trang trọng trao tặng huy chương kỷ niệm cho Pandito Khambo Lama Gomboev, khép lại một chương kinh điển về nỗ lực hòa bình và kết nối văn hóa xuyên quốc gia.



Tu viện Gandantegchinlen. Ảnh tác giả cung cấp.

Năm 1989, giữa những chuyển dịch đầy biến động của thời cuộc, Hội đồng Điều hành ABCP đã nhóm họp tại Ulan-Ude, Buryatia. Kỳ họp lịch sử này đã khép lại bằng việc phê duyệt một bản thông cáo chung cùng ba nghị quyết mang tính bước ngoặt.

Mở đầu cho các cam kết hành động là quyết định thành lập Ủy ban Bảo tồn **Di sản Văn hóa Phật giáo**, đặt nền móng cho việc gìn giữ các giá trị tâm linh trường tồn.

Ngay sau đó, ABCP đã đưa ra tiếng nói chính trị đanh thép trong nghị quyết thứ hai: lên án mạnh mẽ chính sách đàn áp của chính quyền Hàn Quốc đối với giới lãnh đạo tôn giáo và các lực lượng dân chủ yêu nước, đồng thời quyết liệt yêu cầu trả tự do cho Mục sư Mun Ik-hwan (1918- 1994).

Các đại biểu cũng tái khẳng định lập trường của Đại hội đồng Liên Hợp Quốc khóa 30: đòi hỏi quân đội nước ngoài và vũ khí hạt nhân phải rút hoàn toàn khỏi bán đảo Triều Tiên, mở đường cho một tiến trình tái thống nhất độc lập, hòa bình.

Hướng về Đông Nam Á, nghị quyết thứ ba của hội nghị ABCP bày tỏ sự ủng hộ tuyệt đối đối với lập trường của chính phủ Campuchia, Lào và Việt Nam trong việc tìm kiếm một giải pháp chính trị ôn hòa cho vấn đề Campuchia. Khép lại kỳ họp, Tiến sĩ G. Luvsantseren (Mông Cổ) đã phác thảo lộ trình tương lai đầy kỳ vọng của tổ chức.

Trong khi đó, Phó Tổng thư ký ABCP - Tiến sĩ V. B. Tsybikdorzhiev ((tiếng Nga: Владимир Будаевич Цыбикдоржиев) báo cáo về công tác chuẩn bị cho Lễ kỷ niệm 20 năm ABCP, hướng tới Đại hội lần thứ VIII dưới một biểu ngữ kiêu hãnh: "*Hòa bình thông qua không liên kết, tin cậy lẫn nhau và công bằng xã hội*".

Thế nhưng, khi cơn địa chấn chính trị năm 1991 gọi tên sự sụp đổ của Liên bang Xô viết, số phận của ABCP cũng bước vào một khúc quanh nghiệt ngã. Do nguồn tài trợ huyết mạch từ Hội đồng tâm linh Trung ương các tín đồ Phật giáo Liên Xô (tiếng Nga: Центральное духовное управление буддистов СССР – ЦДУБ), đột ngột bị cắt đứt, cùng với việc mất đi điểm tựa chính trị vững chắc từ chính phủ Xô viết, mọi hoạt động của ABCP trên thực tế đã rơi vào trạng thái đóng băng hoàn toàn.

Bước qua bóng tối của giai đoạn đóng băng vào những năm 1990, ABCP đã viết nên một chương mới cho hành trình lịch sử của mình. Đầu tháng 8 năm 2001, tại Cộng hòa Buryatia, Hội đồng Điều hành tổ chức đã long trọng khai mạc phiên họp toàn thể. Đây là cột mốc đánh dấu sự khôi phục hoàn toàn các hoạt động của liên minh Phật giáo quốc tế này sau nhiều năm gián đoạn. Tại đây, những người đứng đầu tổ chức đã cùng nhau vạch ra một lộ trình chiến lược, hướng tới những mục tiêu cao cả hơn trong thế kỷ mới.

Phiên họp toàn thể của Hội đồng Điều hành ABCP nhanh chóng trở thành tâm điểm chú ý khi quy tụ các phái đoàn quốc tế từ Nepal, Sri Lanka, Mông Cổ, Nga, cho đến Lào và Campuchia. Báo cáo từ Ủy ban tổ chức cho thấy công tác chuẩn bị đã được triển khai bài bản và thấu suốt. Đặc biệt, dấu ấn thành công của kỳ hội nghị này gắn liền với sự ủng hộ tuyệt đối của Chủ tịch Kushok Bakula Rimpoche, kết hợp cùng sợi dây liên kết chặt chẽ từ các trung tâm ABCP quốc gia trực thuộc Singapore, Đài Loan và cả hai miền bán đảo Triều Tiên.

Không khí hội nghị ABCP càng thêm phần long trọng với thông điệp chào mừng sâu sắc từ Pandito Khambo Lama Damba Ayusheev, đại diện cho Giáo hội Phật giáo Truyền thống Nga. Phiên họp đặc biệt này là kết quả phối hợp điều hành chặt chẽ giữa Ban lãnh đạo Đại hội ABCP và các vị đại diện cấp cao của chính quyền Cộng hòa Buryatia, khẳng định tầm quan trọng và vị thế chiến lược của kỳ hội nghị lần này.

Đứng trước những tọa độ địa chính trị mới đầy thách thức, Hội đồng Điều hành ABCP đi đến một kết luận mang tính bước ngoặt: Tăng cường hoạt động của tổ chức là yêu cầu cấp thiết hơn bao giờ hết. Để hiện thực hóa khát vọng đó, một sứ mệnh đặc biệt đã được đặt lên vai các trung tâm ABCP quốc gia và các liên minh vì hòa bình tại châu Á. Trọng tâm của tầm nhìn này chính là lời hiệu triệu mang tính thời đại được Hội đồng gửi đến mọi thành viên: Hãy thắp sáng "*trách nhiệm toàn cầu đối với tư duy và hành động vì mục đích hòa bình thế giới*".

Chương trình hành động trong văn kiện cuối cùng của ABCP đã định hình một lộ trình rõ nét cho những năm tới. Tổ chức chọn nguyên lý Trung đạo làm kim chỉ nam để chuyển hóa những thách thức của toàn cầu hóa thành cơ hội thiết lập sự công bằng trên thế giới. Dựa trên triết lý bất bạo lực, ABCP thẳng thắn lên án chủ nghĩa khủng bố và ly khai, đồng thời cam kết gánh vác trách nhiệm cao cả trong việc bảo vệ môi trường, tôn trọng nhân phẩm và thúc đẩy giải trừ quân bị. Khép lại bản tuyên ngôn, ABCP kêu gọi các trung tâm quốc gia thắt chặt khối đại đoàn kết, huy động mọi nỗ lực chung để kiên cường đấu tranh vì một Trái Đất không còn tiếng súng.

Bước ngoặt năm 1990, khi bức màn chủ nghĩa xã hội khép lại, cũng là lúc sự thật tàn khốc bước ra ánh sáng. Những tài liệu mật được phơi bày đã lột trần bộ mặt thật của Khorloogiin Choibalsan, nhà lãnh đạo tối cao của Cộng hòa Nhân dân Mông Cổ (1930-1952) - một kẻ độc tài khát máu, kẻ đã trực tiếp đạo diễn các cuộc thảm sát rồi hèn hạ chối bỏ trách nhiệm.

Công lý của lịch sử gọi tên vào năm 1991 khi hàng loạt hố chôn tập thể được tìm thấy gần Mörön, trung tâm hành chính của Khövsgöl, Mông Cổ và tiếp tục

phát lộ tại Ulaanbaatar vào năm 2003. Dưới lòng đất lạnh, hài cốt của hàng trăm vị Lạt Ma và dân thường hiển hiện với một đặc điểm chung rùng mình: tất cả đều bị kết liễu bằng một phát đạn lạnh lùng găm thẳng vào sọ. Thế nhưng, sự tàn bạo không thể dập tắt được đức tin. Giữa những đau thương ấy, làn sóng hồi sinh đã trỗi dậy mạnh mẽ khi nhiều tổ chức và người dân cùng chung tay, lặng lẽ đặt những viên gạch đầu tiên để dựng lại các ngôi chùa và tu viện từng bị san phẳng trong quá khứ.

Bước ra khỏi bóng tối của những thập kỷ cấm đoán, Phật giáo Kim Cương thừa đã có một cuộc trở về đầy ngoạn mục để giành lại vị thế chủ đạo tại Mông Cổ. Sau những thử thách nghiệt ngã, mạch ngầm tâm linh ấy lại một lần nữa trỗi dậy, kiên cường như hoa sen nở từ bùn nhơ. Suốt nhiều thập kỷ qua, đạo Phật luôn neo giữ linh hồn của đất nước này. Minh chứng sống động nhất nằm ở dữ liệu điều tra dân số quốc gia gần đây nhất, khi tỷ lệ tín đồ vẫn duy trì ở mức ổn định tuyệt đối với 51,7% dân số, quy tụ khoảng 1,7 triệu Phật tử. Dấu ấn định vị cốt lõi này cho thấy, dù dòng chảy thời gian có xoay vần, đạo Phật vẫn là dòng máu chảy trong huyết quản của một Mông Cổ hiện đại.

Tác giả: **Thích Vân Phong**